

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 197/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tất Ái.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Kiều My - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Đỗ Nam H, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: số A, đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Ông Nguyễn Hoàng T – Luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (xin vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: số B Đ, Phường A, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân L2, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số H, Tổ A, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Thảo L3, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số A, đường T, Tổ F, Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Đ quen biết chung sống từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ không lo làm ăn, khó khăn không cho bà đi đâu xa nhà, nhiều lần ông Đ chửi mắng dùng dao hăm dọa bà nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy L1, sinh ngày 11/3/1978; Nguyễn Thị Xuân L2, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Thảo L3, sinh ngày 02/12/1983. Các con đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Nguồn gốc thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị P từ năm 1999. Nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất là từ tiền đền bù phần đất gia đình bà cho bà tại xã B, căn nhà xây dựng trên đất cũng từ nguồn tiền đền bù này.

Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà vào ngày 17/4/1999, thời điểm này hộ gia đình có 05 thành viên là bà, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3. Bà xác định phần đất thuộc thửa 1627 và căn nhà trên đất là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên trên. Nếu phải phân chia tài sản này thì bà đề nghị chia bằng hiện vật làm 05 phần. Bà yêu cầu nhận 02 phần gồm phần của bà và phần của bà Nguyễn Thị Xuân L2, nhận ở vị trí tiếp giáp đường P. Bà đồng ý giao 03 phần còn lại cho ông Đ, bà L1 và bà L3.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Văn bản trình bày ý kiến ngày 26/3/2024, Đơn yêu cầu phản tố ngày 10/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Nguyễn Đỗ Nam H trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị L về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng

cự cãi, xô sát nhau. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy L1, sinh ngày 11/3/1978; Nguyễn Thị Xuân L2, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Thảo L3, sinh ngày 02/12/1983. Các con đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Nhà, đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình, hiện nay bà L đang sinh sống. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng căn nhà vào năm 1999 hộ gia đình ông gồm 05 thành viên là bà Nguyễn Thị L, ông, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3.

Khi ly hôn, ông yêu cầu chia nhà, đất này làm 05 phần, ông yêu cầu được cùng bà L1, bà L3 nhận toàn bộ nhà, đất, hoàn giá trị phần tài sản của bà L, bà L2 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự ngày 07/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thảo L3 trình bày:*

Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lữ . Bà thống nhất nguồn gốc nhà, đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên như bà L, ông Đ trình bày.

Bà đồng ý cùng ông Đ, bà L1 nhận toàn bộ nhà, đất, hoàn giá trị phần tài sản của bà L, bà L2 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

** Theo Bản tự ngày 07/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy L1 trình bày:*

Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lữ . Bà thống nhất nguồn gốc nhà, đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên như bà L, ông Đ trình bày.

Bà đồng ý cùng ông Đ, bà L3 nhận toàn bộ nhà, đất, hoàn giá trị phần tài sản của bà L, bà L2 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

** Theo Bản tự ngày 07/8/2024, Văn bản trình bày ý kiến ngày 06/9/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân L2 trình bày:*

Nhà, đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên như bà L, ông Đ trình bày.

Bà yêu cầu chia nhà, đất này thành 05 phần, bà đồng ý giao phần tài sản của bà cho bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sở hữu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn

và đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ thay đổi yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận nhà đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3, giao nhà, đất này cho bà L và ông Đ cùng quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Thảo L3 đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Hoàng T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân L2 có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Lữ .

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy L1, sinh ngày 11/3/1978; Nguyễn Thị Xuân L2, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Thảo L3, sinh ngày 02/12/1983. Các con đều đã trưởng thành, lao động được nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Đ, công nhận nhà đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3; ghi nhận sự thỏa thuận của bà L, ông Đ, bà L1, bà L3 về việc giao nhà, đất này cho bà L và ông Đ cùng quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài

ra các đương sự không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú tại số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Hoàng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân L2 có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Xuân L2.

[1.4] *Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự:*

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ thay đổi yêu cầu phản tố, yêu cầu yêu cầu công nhận nhà đất tại thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là tài sản chung của hộ gia đình 05 thành viên gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3, giao nhà, đất này cho bà L và ông Đ cùng quản lý, sử dụng. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ xác định đã tự nguyện quen biết, chung sống như vợ chồng từ năm 1977 đến nay, căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Đ là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ không lo làm ăn, khó khăn không cho bà đi đâu xa nhà, nhiều lần ông Đ chửi mắng dùng dao hăm dọa bà nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Ông Nguyễn Văn Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi, xô sát nhau nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, phải cùng quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục, giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ

không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Căn cứ Giấy khai sinh số 1045 ngày 30/7/1980, Trích lục khai sinh số 132/TLKS-BS ngày 14/3/2020, Giấy khai sinh số 1007 ngày 20/12/1983 và lời trình bày của bà L, ông Đ, Hội đồng xét xử xác định ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy L1, sinh ngày 11/3/1978; Nguyễn Thị Xuân L2, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Thảo L3, sinh ngày 02/12/1983. Các con đều đã trưởng thành, lao động được, bà L, ông Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*:

Căn cứ vào kết quả trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M cung cấp thì thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 019505QSDĐ/QĐ ngày 17/4/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị P1 theo Đơn xin sang nhượng hoa lợi thành quả lao động ngày 10/12/1998.

Theo Xác nhận ngày 12/8/2024 của Công an thành phố M, thời điểm ngày 17/4/1999 hộ bà Nguyễn Thị L có 05 thành viên gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2024 trên phần đất tranh chấp có căn nhà kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch men, tường ốp gạch cao 1,3m, trần la phong.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là số D, đường P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) và căn nhà trên đất là tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3. Căn cứ, Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định thửa đất 1627 và căn nhà trên đất là tài sản chung của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Thảo L3 thống nhất giao thửa đất 1627 và căn nhà trên đất cho bà L, ông Đ cùng quản lý, sử dụng là phù hợp quy định Điều 218, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà L, ông Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều

147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4/ Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 218, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lữ .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

1.2 Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Thúy L1, sinh ngày 11/3/1978; Nguyễn Thị Xuân L2, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Thảo L3, sinh ngày 02/12/1983, đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

1.3 Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu phản của ông Nguyễn Văn Đ, công nhận thửa đất 1627, tờ bản đồ 02, tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) và căn nhà trên đất là tài sản chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Xuân L2, bà Nguyễn Thị Thảo L3.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1 và bà Nguyễn Thị Thảo L3 về việc giao thửa đất 1627 và căn nhà trên đất cho bà L, ông Đ cùng quản lý, sử dụng.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thúy L1, bà Nguyễn Thị Thảo L3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Xuân L2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kiều